

THẠC SĨ ĐỒNG THỊ VÂN HỒNG
KHOA KINH TẾ - TRƯỜNG CĐ NGHỀ CƠ ĐIỆN HÀ NỘI (Chủ biên)

GIÁO TRÌNH

THUẾ

(DÙNG CHO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ
VÀ CAO ĐẲNG NGHỀ)



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

THẠC SĨ ĐỒNG THỊ VÂN HỒNG
KHOA KINH TẾ - TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CƠ ĐIỆN HÀ NỘI
(Chủ biên)

GIÁO TRÌNH

THUẾ

(DÙNG CHO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ
VÀ CAO ĐẲNG NGHỀ)

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
Hà Nội - 2013

Nhóm tác giả:

ThS. Đồng Thị Vân Hồng

ThS. Nguyễn Thị Nga

CN. Hoàng Quỳnh Nga

LỜI NÓI ĐẦU

Thuế là môn học có tính chất hỗ trợ cho các môn học nghiệp vụ, đồng thời giúp người học vận dụng vào công tác thực tiễn của doanh nghiệp.

Với mục tiêu trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản và kỹ năng tính toán số tiền phải nộp của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành trong nền kinh tế hiện nay, nhằm đáp ứng yêu cầu về giáo trình giảng dạy học tập, nghiên cứu của học sinh, sinh viên, đồng thời đáp ứng chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa Kinh tế trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội biên soạn **Giáo trình Thuế (Dùng cho trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề)**

Cuốn sách gồm 5 chương:

Bài mở đầu Những vấn đề chung về thuế

Chương I Thuế giá trị gia tăng

Chương II Thuế tiêu thụ đặc biệt

Chương III Thuế xuất khẩu, nhập khẩu

Chương IV Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chương V Các khoản thuế và lệ phí khác

Nội dung biên soạn theo hình thức tích hợp giữa lý thuyết và thực hành. Trong quá trình biên soạn, nhóm tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu liên quan của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề và cập nhật những kiến thức mới nhất từ các Luật thuế do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng không tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo và các bạn học viên cùng đồng đảo bạn đọc để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ

Bài mở đầu

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ

1. Thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế

1.1. Sự ra đời và tính tất yếu khách quan của thuế

Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã chứng minh rằng, thuế ra đời và cần thiết khách quan gắn liền với sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước.

Nhà nước là một tổ chức chính trị, đại diện quyền lợi cho giai cấp thống trị, thi hành các chính sách do giai cấp thống trị đặt ra để cai trị xã hội. Nhà nước xuất hiện đòi hỏi phải có cơ sở vật chất nhất định để đảm bảo cho sự tồn tại và hoạt động của mình. Do đó Nhà nước phải dùng quyền lực chính trị vốn có để tập trung nguồn của cải đó và có thể được thực hiện bằng các cách khác nhau, trong đó hình thức đóng góp bắt buộc được gọi là thuế.

Thuế luôn gắn chặt với sự phát triển của tổ chức bộ máy nhà nước. Sự phát triển và thay đổi hình thái tổ chức nhà nước luôn kéo theo sự cải biến của các hình thức thuế và hệ thống thuế nói chung.

Thuế suất hiện từ khá lâu, trước thời kỳ văn minh của loài người. Nhưng khoa học về thuế chỉ ra đời vào cuối thời kỳ phong kiến, đầu thời kỳ CNTB.

1.2. Khái niệm, đặc điểm của thuế

1.2.1. Khái niệm

Thuế ra đời và phát triển gắn liền với sự hình thành và phát triển của Nhà nước, có thể đưa ra một khái niệm tổng hợp về thuế như sau:

Thuế là một khoản tiền hoặc hiện vật mà các tổ chức và cá nhân thực hiện nghĩa vụ đóng góp theo luật định cho Nhà nước theo mức độ, thời hạn cụ thể. Thuế được Nhà nước sử

dụng vào nhiều mục đích khác nhau: huy động nguồn thu để đáp ứng nhu cầu chi tiêu chung của Nhà nước, phân phối lại một phần thu nhập và của cải của xã hội, kiểm soát quá trình phân phối và mức chi tiêu trong nền kinh tế, bảo hộ sản xuất trong nước, thay đổi tập quán tiêu dùng của xã hội. Thuế không mang tính hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế. Một phần thuế mà các tổ chức và cá nhân đóng góp cho Nhà nước được trả về với người dân một cách gián tiếp dưới các hình thức như trợ cấp xã hội, phúc lợi xã hội và quỹ tiêu dùng khác.

1.2.2. Đặc điểm cơ bản

Để phân biệt thuế với các hình thức động viên tài chính khác, thuế có một số đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, thuế là một hình thức động viên tài chính của Nhà nước mang tính quyền lực, tính cưỡng chế và tính pháp lý (thuế do và chỉ do cơ quan quyền lực nhà nước quy định. Không một cơ quan nào ngoài cơ quan quyền lực có quyền đặt ra thuế. Khoản thu cho Nhà nước nhưng không phải do cơ quan quyền lực quy định không phải khoản thu về thuế mà là những khoản thu tài chính khác. Ví dụ: công trái do Chính phủ quy định).

Thứ hai, thuế không mang tính hoàn trả trực tiếp. Mức thuế mà các tổ chức, cá nhân đóng góp cho Nhà nước và mức độ cung cấp hàng hoá, dịch vụ công cộng mà Nhà nước đem lại cho người nộp thuế không nhất thiết phải ngang bằng nhau. Mức đóng góp nhiều hay ít được căn cứ vào kết quả hoạt động kinh tế, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế (KTQT) và nhu cầu chi tiêu chung của xã hội. Người nộp thuế sẽ nhận được một phần các dịch vụ công cộng mà Nhà nước cung cấp chung cho cả cộng đồng, giá trị phần dịch vụ đó không nhất thiết phải bằng khoản thuế mà họ nộp - không mang tính đối giá (khác với phí, lệ phí - có tính chất đối giá).

Thứ ba, thuế chịu ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế (mức độ tăng trưởng của nền kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, giá cả, thị trường, v.v.), thể chế chính trị, tâm lý, tập quán của các tầng lớp dân cư, truyền thống văn hoá, xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Do chịu sự ràng buộc của các yếu tố này, nên chúng ta có thể nói, thuế mang ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội tổng hợp.

1.3. Vai trò của thuế trong nền kinh tế

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự can thiệp của Nhà nước, thuế có vai trò hết sức quan trọng và được thể hiện trên các mặt sau đây:

Thứ nhất, thuế là nguồn thu chủ yếu, ổn định của ngân sách nhà nước (NSNN). Xã hội muốn tồn tại không thể không có sản xuất kinh doanh (SXKD). Mọi hoạt động SXKD và thu nhập từ hoạt động SXKD đều là đối tượng phải chịu thuế.

Thứ hai, thuế là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, có vị trí quan trọng trong kiểm kê, kiểm soát, quản lý, hướng dẫn và khuyến khích phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông, góp phần điều chỉnh các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân (giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa tiền và hàng, giữa cung và cầu). Thông qua việc thu thuế, Nhà nước định hướng luồng đầu tư vào những hoạt động SXKD có hiệu quả, có lợi thế cạnh tranh và ngược lại. Thuế được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nền kinh tế theo chu kỳ (khi khủng hoảng và suy thoái Nhà nước có thể hạ thấp thuế để tăng đầu tư mở rộng sản xuất. Ngược lại, khi phát triển quá mức, nhà nước có thể tăng thuế để thu hẹp đầu tư). Thuế được sử dụng để điều tiết việc làm và thất nghiệp (khi thất nghiệp cao, cùng với việc chi tiêu tăng lên, Nhà nước cắt giảm thuế để tăng tổng cầu và việc làm. Ngược lại, khi lạm phát, cùng với việc cắt giảm chi tiêu, Nhà nước tăng thuế để giảm tổng cầu và hạn chế lạm phát gia tăng).

Thứ ba, thuế góp phần đảm bảo sự bình đẳng trong chính sách động viên đóng góp cho Nhà nước giữa các thành phần kinh tế, thực hiện công bằng xã hội. Hệ thống thuế được áp dụng thống nhất giữa các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư, điều kiện hoạt động giống nhau, thu nhập như nhau thì phải nộp thuế như nhau, thu nhập cao hơn phải nộp thuế cao hơn. Bình đẳng, công bằng trong chính sách thuế không có nghĩa là cào bằng mà khuyến khích các tổ chức, cá nhân làm ăn có hiệu quả để tích lũy tái đầu tư cho SXKD ngày càng phát triển và không chỉ là lý thuyết mà được biểu hiện trên cơ sở luật pháp. Tổ chức, cá nhân nào nộp đúng, nộp đủ thì được khen thưởng; chây ì, chậm nộp, trốn tránh thì phải phạt, truy cứu trách nhiệm.

2. Các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế

2.1. Tên gọi của sắc thuế

Mỗi sắc thuế đều có tên gọi nhằm phân biệt giữa các hình thức khác nhau, đồng thời phản ánh những tính chất chung nhất của hình thức thuế đó. Trong nhiều trường hợp, tên gọi của sắc thuế đã hàm chứa nội dung, mục đích và phạm vi điều chỉnh của sắc thuế đó. Chẳng hạn, “thuế thu nhập doanh nghiệp” là thuế đánh vào thu nhập của pháp nhân là các công ty; “thuế thu nhập cá nhân” là thuế đánh vào thu nhập cá nhân; “thuế giá trị gia tăng” là thuế đánh vào phần giá trị tăng thêm của hàng hoá và dịch vụ sau mỗi chu kỳ luân chuyển hàng hoá và dịch vụ qua từng giai đoạn.

2.2. Đối tượng nộp thuế

Trong một luật thuế thường quy định rõ ai phải nộp thuế và người đó được gọi là đối tượng nộp thuế.

Đối tượng nộp thuế có thể là thể nhân hoặc pháp nhân mà được luật pháp xác định có trách nhiệm phải nộp thuế cho Nhà nước và gọi là người nộp thuế. Do tồn tại cơ chế chuyển dịch gánh nặng của thuế nên người nộp thuế không đồng nhất với người chịu thuế tức là người chịu gánh nặng của thuế.

2.3. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế chỉ rõ thuế đánh vào cái gì (hàng hoá, thu nhập hay tài sản...). Mỗi một luật thuế có một đối tượng chịu thuế riêng, chẳng hạn: đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hàng hoá, dịch vụ sản xuất và tiêu dùng trong nước; đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng có tính chất đặc biệt; đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập từ hoạt động kinh doanh; còn đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân là phần thu nhập của các cá nhân.

2.4. Cơ sở tính thuế

Cơ sở tính thuế là đại lượng xác định làm căn cứ tính thuế, cơ sở tính thuế có thể đồng thời là đối tượng chịu thuế song cũng có thể khác đối tượng chịu thuế về hình thái biểu hiện. Chẳng hạn, đối tượng chịu thuế nhập khẩu là hàng hoá nhập khẩu chịu thuế (đơn vị định tính) nhưng cơ sở tính thuế là giá trị hải quan của hàng hoá nhập khẩu (Đơn vị định lượng).

2.5. Mức thuế

Mức thuế là đại lượng xác định số thu trên cơ sở tính thuế và được biểu hiện dưới hình thức *thuế suất* hay *định suất thuế*.

Mức thuế có thể được thể hiện dưới 2 hình thức: mức tuyệt đối và tương đối.

- Mức thuế tuyệt đối (hay còn gọi là định suất thuế) là mức thuế được tính bằng số tuyệt đối theo 1 đơn vị vật lý của đối tượng chịu thuế. Ví dụ: 1 lít xăng thì phải chịu thuế 1.000 đồng; một ha đất nông nghiệp hạng 1 vùng đồng bằng phải chịu thuế sử dụng đất nông nghiệp là 550 kg thóc.

- Mức tương đối (hay còn gọi là thuế suất) là mức thuế được tính bằng một tỷ lệ phần trăm trên một đơn vị giá trị đối tượng chịu thuế. Ví dụ: thuế tiêu thụ đặc biệt của rượu mạnh được tính bằng tỷ lệ 75% trên giá trị thuế.